TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 448/2017/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 19 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 331/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 25/116 xã H, phường C, thành phố H, tỉnh Thanh Hoá; Tạm trú: 98/41 Dương Cát Lợi, Khu phố 4, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Văn H2, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 25/116 xã H, phường C, thành phố H, tỉnh Thanh Hoá; Tạm trú: 98/41 Dương Cát Lợi, Khu phố 4, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11/9/2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/9/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Văn H2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Văn H2 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 15/7/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 19/9/2017).

2.2. Về con chung: Có một người con chung tên Lê Anh K – sinh ngày 18/11/2014. Hai bên thống nhất thoả thuận giao con chung cho bà H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thoả thuận.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

2.4. Nợ chung: Không có nợ chung.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Văn H2 mỗi người nộp 75.000 (Bảy mươi lăm ngàn) đồng nhưng do bà H1 tự nguyện chịu 150.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2014/0008094 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, bà Nguyễn Thị H1 được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lựu